TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 894 /2023/HNGĐ-ST
Ngày :07/ 9/2023
"V/v tr/c ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn A
Các hội thẩm nhân dân gồm có: 1. Ông Phạm Ngọc Đ
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc T

- Thư ký TA ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ L - CBTA.

- Đại diện VKSND TP Q tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa L – Kiểm Sát Viên.

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q - tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 417/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 01/ 8 /2023 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Chị Hà Thị H - Sinh năm : 1985
Địa chỉ: Hẻm 1085 Trần Hưng Đạo, thành phố Q, B.
* ***Bị đơn*** : Anh Trần Tuấn K - Sinh năm: 1971
Địa chỉ: Hẻm 1085 Trần Hưng Đạo, thành phố Q, B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại bản khai ngày 04/5/2023 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Hà Thị H khai*** :

Chị và anh K trước khi kết hôn có tìm hiểu với nhau một thời gian, đến năm 2003 tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh B. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau không tự hòa giải được, mâu thuẫn kéo dài, tuy sống chung nhà nhưng vợ chồng đã ly thân. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh K để ổn định cuộc sống.

Vợ chồng có 02 con chung tên: Trần Hữu Đ, sinh năm 2003; Trần Thị Kiều M, sinh ngày 08/01/2013.

Ly hôn chị yêu cầu nuôi Trần Thị Kiều M, sinh ngày 08/01/2013, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Trần Hữu Đ, sinh năm 2003 hiện nay trên 18 tuổi, sức khoẻ bình thường nên chị không yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Hiện nay chị và anh K không có nợ chung.

**** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 09/5/2023 bị đơn anh Trần Tuấn K khai:***

Anh thống nhất về thời gian và điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường đến năm 2023 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H thường đi chơi tụ tập bạn bè, anh không đồng ý và đã khuyên nhưng chị H không thay đổi, từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm, thường cãi vã nhau, mâu thuẫn kéo dài không tự hòa giải được. Nay chị H xin ly hôn anh không đồng ý.

Vợ chồng có 02 con chung tên: Trần Hữu Đ, sinh năm 2003; Trần Thị Kiều M, sinh ngày 08/01/2013.

Nếu ly hôn anh giao Trần Thị Kiều M, sinh ngày 08/01/2013 cho chị H nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng.

Đối với Trần Hữu Đ, sinh năm 2003 hiện nay trên 18 tuổi, sức khoẻ bình thường nên anh không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay anh và chị H không có nợ chung.

**** Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Q phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:***

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt lần thứ 02 tại phiên Tòa.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị HĐXX quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị H được ly hôn anh Trần Tuấn K.

Giao cháu Trần Thị Kiều M, sinh ngày 08/01/2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh K về việc cấp dưỡng nuôi con chung là cháu My mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay anh K vắng mặt lần thứ 02 không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Chị H có Đơn xin xét xử vắng mặt, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 228, điểm a khoản 1 Điều 238 BLTTDS nên HĐXX chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Theo chị H khai: Chị và anh K trước khi kết hôn có tìm hiểu với nhau một thời gian, đến năm 2003 tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh B. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã với nhau không tự hòa giải được, mâu thuẫn kéo dài, tuy sống chung nhà nhưng vợ chồng đã ly thân. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh K để ổn định cuộc sống.

Vợ chồng có 02 con chung tên: Trần Hữu Đ, sinh năm 2003; Trần Thị Kiều M, sinh ngày 08/01/2013.

Ly hôn chị yêu cầu nuôi Trần Thị Kiều M, sinh ngày 08/01/2013, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Đối với Trần Hữu Đ, sinh năm 2003 hiện nay trên 18 tuổi, sức khoẻ bình thường nên chị không yêu cầu.

Theo Biên bản xác minh ngày 15/6/2023 khu vực trưởng khu vực 4, phường Đống Đa - Thành phố Q cung cấp: Vợ chồng chị H và anh K cư trú tại Tổ 17A khu vực 4 phường Đống Đa, TP. Q , vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nhưng nguyên nhân thì địa phương không rõ, vợ chồng đã sống ly thân.

HĐXX xét thấy: Chị H yêu cầu ly hôn nhưng anh K không đồng ý. Tại phiên tòa hôm nay anh K vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Anh K không có thiện chí để duy trì quan hệ vợ chồng.

Mâu thuẫn giữa chị H và anh K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên HĐXX chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H đối với anh K

Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung tên: Trần Hữu Đ, sinh năm 2003; Trần Thị Kiều M, sinh ngày 08/01/2013.

Ly hôn chị H yêu cầu nuôi Trần Thị Kiều M, sinh ngày 08/01/2013, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Đối với Trần Hữu Đ, sinh năm 2003 hiện nay trên 18 tuổi, sức khoẻ bình thường nên chị không yêu cầu.

HĐXX xét thấy: Yêu cầu người trực tiếp nuôi con của chị H được anh K đồng ý, nên HĐXX giao cháu Trần Thị Kiều M, sinh ngày 08/01/2013, cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu, nhưng anh K đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng là sự tự nguyện đúng quy định pháp luật của anh K nên HĐXX chấp nhận.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ-ST anh K phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử :

1- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị H được ly hôn anh Trần Tuấn K.

2- Về con chung: Chị Hà Thị H trực tiếp nuôi dưỡng 01 người con chung là: Trần Thị Kiều M, sinh ngày 08/01/2013.

+ Việc cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Tuấn K cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng: 1.000.000 đồng, thời gian từ tháng 9/2023 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên có quyền xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không bên nào được ngăn cản.

3- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, HĐXX không xem xét.

4- Về án phí HNGĐST: Chị Hà Thị H phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003680 ngày 04/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Q. Chị Hồng đã nộp đủ án phí. Anh K phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Chị H và anh K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã phường nơi cư trú.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND Tp. Q;*
- *TAND tỉnh B;*
- *Chi cục THADS Tp. Q;*
- *Đương sự;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký